

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA GÂY Mê-HỒI SỨC

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. CÁC KỸ THUẬT	
1	2030.09.1	Kỹ thuật an thần PCS	T3
2	2030.09.2	Kỹ thuật cách ly dự phòng	T3
3	2030.09.3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	T3
4	2030.09.4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường	T3
5	2030.09.5	Cai máy thở bằng chế độ thông minh	T2
6	2030.09.6	Cấp cứu cao huyết áp	T3
7	2030.09.7	Cấp cứu ngừng thở	T3
8	2030.09.8	Cấp cứu ngừng tim	T3
9	2030.09.10	Cấp cứu tụt huyết áp	T3
10	2030.09.11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	T3
11	2030.09.12	Chăm sóc catheter động mạch	T3
12	2030.09.13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	T3
13	2030.09.15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	T3
14	2030.09.16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	T3
15	2030.09.17	Chọc tĩnh mạch đùi	T3
16	2030.09.18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	T3
17	2030.09.19	Chọc tủy sống đường bên	T3
18	2030.09.20	Chọc tủy sống đường giữa	T3
19	2030.09.21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	T3
20	2030.09.22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	18
21	2030.09.28	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	T3
22	2030.09.29	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luồn từ tĩnh mạch ngoại vi	T3
23	2030.09.32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	T3
24	2030.09.33	Đặt mát thanh quản Fastract	T3
25	2030.09.34	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	T3
26	2030.09.35	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	T3
27	2030.09.37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	T3
28	2030.09.59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	T3
29	2030.09.60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	T3
30	2030.09.62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	T3
31	2030.09.63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	T3
32	2030.09.64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	T3
33	2030.09.65	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong chọc hút trứng	T2
34	2030.09.66	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch trong nạo hút thai	T2
35	2030.09.67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	T3
36	2030.09.68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	T3
37	2030.09.70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	T3
38	2030.09.72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	T3
39	2030.09.73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	T3
40	2030.09.74	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường trên xương đòn	T3
41	2030.09.75	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường gian cơ bậc thang	T3
42	2030.09.76	Kỹ thuật gây tê đám rối cánh tay đường nách	T3
43	2030.09.77	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ nông	T3
44	2030.09.78	Kỹ thuật gây tê đám rối cổ sâu	T3

45	2030.09.86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	T3
46	2030.09.87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	T3
47	2030.09.94	Kỹ thuật gây tê tủy sống phẫu thuật lấy thai	18
48	2030.09.95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	T3
49	2030.09.96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	T3
50	2030.09.97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	T3
51	2030.09.98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	T3
52	2030.09.99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	T3
53	2030.09.102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	T3
54	2030.09.108	Kỹ thuật giảm đau qua các lớp cân bụng (TAP)	T2
55	2030.09.110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	T3
56	2030.09.113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	T3
57	2030.09.114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	T3
58	2030.09.116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	T3
59	2030.09.117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê	T3
60	2030.09.118	Hút dẫn lưu ngực	T3
61	2030.09.119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	T3
62	2030.09.120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	T3
63	2030.09.123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	T3
64	2030.09.124	Xoay trở bệnh nhân thở máy	T3
65	2030.09.125	Xử trí dò đường tiêu hóa (nuôi dưỡng và hút liên tục đường dò)	T2
66	2030.09.127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	T3
67	2030.09.133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	T3
68	2030.09.134	Lý liệu pháp ngực ở bệnh nhân nặng	T3
69	2030.09.135	Mê tĩnh mạch theo TCI	T3
70	2030.09.136	Mở khí quản	T3
71	2030.09.139	Nâng thân nhiệt chỉ huy	T3
72	2030.09.141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	T3
73	2030.09.142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	T3
74	2030.09.143	Nuôi dưỡng qua ống thông hồng tràng	T3
75	2030.09.146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	T3
76	2030.09.147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	T3
77	2030.09.148	Rửa tay phẫu thuật	T3
78	2030.09.149	Rửa tay sát khuẩn	T3
79	2030.09.150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	T3
80	2030.09.151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	16
81	2030.09.156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	T3
82	2030.09.162	Theo dõi đông máu tại chỗ	T2
83	2030.09.163	Theo dõi đường giấy tại chỗ	T3
84	2030.09.166	Theo dõi Hb tại chỗ	T3
85	2030.09.167	Theo dõi Hct tại chỗ	T3
86	2030.09.168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	T3
87	2030.09.173	Theo dõi SpO ₂	T3
88	2030.09.175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	T3
89	2030.09.176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	T3
90	2030.09.177	Thở CPAP không qua máy thở	T3
91	2030.09.182	Thở máy xâm nhập với các phương thức khác nhau	T3
92	2030.09.183	Thở oxy gọng kính	T3
93	2030.09.184	Thở oxy qua mặt nạ	T3
94	2030.09.185	Thở oxy qua mũi kín	T3

95	2030.09.186	Thở oxy qua ống chữ T	T3
96	2030.09.188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	T3
97	2030.09.190	Thông khí qua màng giáp nhãn	T3
98	2030.09.192	Thường qui đặt nội khí quản khó	T3
99	2030.09.194	Tiết trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	T3
100	2030.09.195	Truyền dịch thường qui	T3
101	2030.09.196	Truyền dịch trong sóc	T3
102	2030.09.197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	T3
103	2030.09.198	Truyền máu khối lượng lớn	T2
104	2030.09.199	Truyền máu trong sóc	T3
105	2030.09.200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	T3
106	2030.09.201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	T3
107	2030.09.202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	T3
108	2030.09.203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	T3
109	2030.09.204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	T3
110	2030.09.205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	T3
		B. GÂY MÊ	
111	2030.09.277	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ tử cung	T2
112	2030.09.278	Gây mê phẫu thuật bóc nhân xơ vú	T2
113	2030.09.286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
114	2030.09.287	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
115	2030.09.290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn	T3
116	2030.09.309	Gây mê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	T3
117	2030.09.311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	T3
118	2030.09.322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	T3
119	2030.09.326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	T2
120	2030.09.346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	T3
121	2030.09.347	Gây mê phẫu thuật cắt cụt chi	T3
122	2030.09.348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	T3
123	2030.09.354	Gây mê phẫu thuật cắt đoạn chi	T3
124	2030.09.363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
125	2030.09.364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
126	2030.09.365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
127	2030.09.366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
128	2030.09.367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
129	2030.09.368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
130	2030.09.369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	T3
131	2030.09.370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	T3
132	2030.09.371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	T3
133	2030.09.375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	T3
134	2030.09.378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	T3
135	2030.09.379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	T3
136	2030.09.380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	T3

137	2030.09.381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	T3
138	2030.09.383	Gây mê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	T3
139	2030.09.384	Gây mê phẫu thuật cắt lồi xương	T2
140	2030.09.427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	T3
141	2030.09.429	Gây mê phẫu thuật cắt ruột non hình chêm	T3
142	2030.09.430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	T3
143	2030.09.432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	T3
144	2030.09.433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	T3
145	2030.09.450	Gây mê phẫu thuật cắt thừa ngón đơn thuần	T3
146	2030.09.466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	T3
147	2030.09.467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	T3
148	2030.09.468	Gây mê phẫu thuật cắt tinh mạc	T2
149	2030.09.493	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + 2 phần phụ + vết hạch chậu 2 bên	T2
150	2030.09.494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	T3
151	2030.09.496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	T3
152	2030.09.501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	T3
153	2030.09.503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	T3
154	2030.09.505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	T3
155	2030.09.507	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	T3
156	2030.09.508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	T3
157	2030.09.510	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	T3
158	2030.09.526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	T3
159	2030.09.528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	T3
160	2030.09.529	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vật da, hay ghép da	T2
161	2030.09.544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	T3
162	2030.09.550	Gây mê phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	T3
163	2030.09.553	Gây mê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	T2
164	2030.09.560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	T3
165	2030.09.561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	T3
166	2030.09.562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	T3
167	2030.09.563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	T3
168	2030.09.564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	T3
169	2030.09.577	Gây mê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	T3
170	2030.09.599	Gây mê phẫu thuật cắt u vú lành tính	T2
171	2030.09.603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	T3
172	2030.09.604	Gây mê phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	T3
173	2030.09.618	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	T3
174	2030.09.633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	T3
175	2030.09.638	Gây mê phẫu thuật chích áp xe gan	T3
176	2030.09.641	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	T3
177	2030.09.642	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	T3
178	2030.09.653	Gây mê phẫu thuật chữa ngoài dạ con vỡ	T3
179	2030.09.664	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	T3
180	2030.09.673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	T3
181	2030.09.674	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	T3
182	2030.09.678	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu túi mật	T3

183	2030.09.679	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	T3
184	2030.09.686	Gây mê phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi	T3
185	2030.09.689	Gây mê phẫu thuật đặt stent động mạch đùi	T3
186	2030.09.726	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	T3
187	2030.09.727	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	T3
188	2030.09.728	Gây mê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	T3
189	2030.09.743	Gây mê phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi	T3
190	2030.09.745	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	T3
191	2030.09.757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	T3
192	2030.09.758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	T3
193	2030.09.759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	T3
194	2030.09.760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	T3
195	2030.09.761	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	T3
196	2030.09.762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	T3
197	2030.09.763	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	T2
198	2030.09.764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	T3
199	2030.09.768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	T3
200	2030.09.769	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	T3
201	2030.09.778	Gây mê phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	T3
202	2030.09.782	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	T3
203	2030.09.785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	T3
204	2030.09.786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	T3
205	2030.09.788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	T3
206	2030.09.791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	T3
207	2030.09.794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	T3
208	2030.09.797	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	T3
209	2030.09.798	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	T3
210	2030.09.812	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân (chưa bao gồm phương tiện cố định)	T3
211	2030.09.813	Gây mê phẫu thuật đóng cứng khớp khác	T3
212	2030.09.847	Gây mê phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	T3
213	2030.09.848	Gây mê phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	T3
214	2030.09.856	Gây mê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	T3
215	2030.09.889	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	T3
216	2030.09.890	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	T3
217	2030.09.891	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	T3
218	2030.09.892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	T3
219	2030.09.895	Gây mê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	T3
220	2030.09.899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	T3
221	2030.09.905	Gây mê phẫu thuật kết hợp xương (KHX) chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	T3

222	2030.09.923	Gây mê phẫu thuật KHX gây 2 xương cẳng tay	T3
223	2030.09.924	Gây mê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	T3
224	2030.09.925	Gây mê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	T3
225	2030.09.926	Gây mê phẫu thuật KHX gây bong sụn tiếp vùng khớp gối	T3
226	2030.09.927	Gây mê phẫu thuật KHX gây bong sụn vùng cổ xương đùi	T3
227	2030.09.928	Gây mê phẫu thuật KHX gây chòm đốt bàn và ngón tay	T3
228	2030.09.929	Gây mê phẫu thuật KHX gây cổ chân	T3
229	2030.09.930	Gây mê phẫu thuật KHX gây cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	T3
230	2030.09.931	Gây mê phẫu thuật KHX gây cổ xương bả vai	T2
231	2030.09.932	Gây mê phẫu thuật KHX gây cổ xương đùi	T3
232	2030.09.933	Gây mê phẫu thuật KHX gây đài quay (Gây cổ xương quay)	T3
233	2030.09.934	Gây mê phẫu thuật KHX gây đài quay phức tạp	T3
234	2030.09.935	Gây mê phẫu thuật KHX gây đài quay	T3
235	2030.09.936	Gây mê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương chày (Pilon)	T3
236	2030.09.937	Gây mê phẫu thuật KHX gây đầu dưới xương quay	T3
237	2030.09.938	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở độ II thân xương cánh tay	T3
238	2030.09.939	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở độ II trên và liên lõi cầu xương đùi	T3
239	2030.09.940	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở độ III hai xương cẳng chân	T3
240	2030.09.941	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở độ III thân xương cánh tay	T3
241	2030.09.942	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở độ III trên và liên lõi cầu xương đùi	T3
242	2030.09.943	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở I thân hai xương cẳng tay	T3
243	2030.09.944	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở II thân hai xương cẳng tay	T3
244	2030.09.945	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở III thân hai xương cẳng tay	T3
245	2030.09.946	Gây mê phẫu thuật KHX gây hở liên lõi cầu xương cánh tay	T3
246	2030.09.947	Gây mê phẫu thuật KHX gây Hoffa đầu dưới xương đùi	T3
247	2030.09.949	Gây mê phẫu thuật KHX gây liên lõi cầu xương cánh tay	T3
248	2030.09.950	Gây mê phẫu thuật KHX gây liên mấu chuyển xương đùi	T2
249	2030.09.951	Gây mê phẫu thuật KHX gây lõi cầu ngoài xương cánh tay	T3
250	2030.09.952	Gây mê phẫu thuật KHX gây lõi cầu ngoài xương đùi	T3
251	2030.09.953	Gây mê phẫu thuật KHX gây lõi cầu trong xương đùi	T3
252	2030.09.954	Gây mê phẫu thuật KHX gây lõi cầu xương bàn và ngón tay	T3
253	2030.09.955	Gây mê phẫu thuật KHX gây lõi cầu xương khớp ngón tay	T3
254	2030.09.956	Gây mê phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	T3
255	2030.09.957	Gây mê phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	T3
256	2030.09.958	Gây mê phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	T3
257	2030.09.959	Gây mê phẫu thuật KHX gây mắt cá kèm trật khớp cổ chân	T3
258	2030.09.960	Gây mê phẫu thuật KHX gây mắt cá ngoài	T3
259	2030.09.961	Gây mê phẫu thuật KHX gây mắt cá trong	T3
260	2030.09.962	Gây mê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	T3
261	2030.09.963	Gây mê phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	T3
262	2030.09.964	Gây mê phẫu thuật KHX gây Monteggia	T3
263	2030.09.965	Gây mê phẫu thuật KHX gây nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	T3
264	2030.09.966	Gây mê phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay	T3
265	2030.09.967	Gây mê phẫu thuật KHX gây nội khớp xương khớp ngón tay	T3
266	2030.09.968	Gây mê phẫu thuật KHX gây ổ cối đơn thuần	T3
267	2030.09.971	Gây mê phẫu thuật KHX gây phức tạp vùng khuỷu	T3
268	2030.09.972	Gây mê phẫu thuật KHX gây Pilon	T3
269	2030.09.973	Gây mê phẫu thuật KHX gây rỗng rọc xương cánh tay	T3

270	2030.09.974	Gây mê phẫu thuật KHX gây sụn tăng trưởng ở đầu xương	T3
271	2030.09.975	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	T3
272	2030.09.976	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	T3
273	2030.09.977	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay	T3
274	2030.09.978	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	T3
275	2030.09.979	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	T3
276	2030.09.980	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	T3
277	2030.09.981	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	T3
278	2030.09.982	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương chày	T3
279	2030.09.984	Gây mê phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	T3
280	2030.09.985	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay	T3
281	2030.09.986	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	T3
282	2030.09.987	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	T3
283	2030.09.988	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em	T3
284	2030.09.989	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay	T3
285	2030.09.990	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương gót	T3
286	2030.09.991	Gây mê phẫu thuật KHX gây trật xương sên	T3
287	2030.09.992	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	T3
288	2030.09.993	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương cánh tay	T3
289	2030.09.994	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên lõi cầu xương đùi	T3
290	2030.09.995	Gây mê phẫu thuật KHX gây trên và liên lõi cầu xương đùi	T3
291	2030.09.996	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bả vai	T2
292	2030.09.997	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	T3
293	2030.09.998	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương bệnh lý	T3
294	2030.09.999	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đòn	T3
295	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn ngón tay	T3
296	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương đốt bàn và đốt ngón chân	T3
297	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương gót	T3
298	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương mác đơn thuần	T3
299	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	T3
300	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX gây xương sên và trật khớp	T3
301	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	T3
302	2030.09.100	Gây mê phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	T3
303	2030.09.170	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
304	2030.09.170	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
305	2030.09.170	Hồi sức phẫu thuật bướu cổ	T3
306	2030.09.170	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	T3
307	2030.09.174	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	T3
308	2030.09.174	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	T3
309	2030.09.175	Hồi sức phẫu thuật cắt chấp có bọc	T3
310	2030.09.176	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	T3
311	2030.09.176	Hồi sức phẫu thuật cắt cụt chi	T3
312	2030.09.176	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	T3
313	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
314	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	T3

315	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
316	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
317	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
318	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
319	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	T3
320	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mí mắt	T3
321	2030.09.178	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	T3
322	2030.09.179	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	T3
323	2030.09.191	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	T3
324	2030.09.191	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	T3
325	2030.09.191	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	T3
326	2030.09.192	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	T3
327	2030.09.192	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật	T3
328	2030.09.192	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa đại tràng	T3
329	2030.09.192	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	T3
330	2030.09.192	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa tá tràng	T3
331	2030.09.194	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	T3
332	2030.09.194	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	T3
333	2030.09.196	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	T3
334	2030.09.196	Hồi sức phẫu thuật cắt u mạc treo ruột	T3
335	2030.09.197	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	T3
336	2030.09.197	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	T3
337	2030.09.198	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	T3
338	2030.09.198	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	T3
339	2030.09.198	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	T3
340	2030.09.202	Hồi sức phẫu thuật cắt u xương lành	T3
341	2030.09.202	Hồi sức phẫu thuật cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	T3
342	2030.09.203	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	T3
343	2030.09.205	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	T3
344	2030.09.205	Hồi sức phẫu thuật chấn thương sọ não	T3
345	2030.09.205	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan	T3
346	2030.09.205	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình công dương vật	T3
347	2030.09.206	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	T3
348	2030.09.207	Hồi sức phẫu thuật chữa ngoài da con vớ	T3
349	2030.09.209	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật	T3
350	2030.09.209	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu viêm mũ khớp, không sai khớp	T3
351	2030.09.210	Hồi sức phẫu thuật đặt stent các động mạch ngoại vi	T3
352	2030.09.216	Hồi sức phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi	T3
353	2030.09.216	Hồi sức phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	T3
354	2030.09.217	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	T3
355	2030.09.217	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	T3
356	2030.09.217	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	T3

357	2030.09.217	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	T3
358	2030.09.217	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	T3
359	2030.09.218	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	T3
360	2030.09.218	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	T3
361	2030.09.218	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	T3
362	2030.09.218	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	T3
363	2030.09.219	Hồi sức phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	T3
364	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	T3
365	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	T3
366	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	T3
367	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	T3
368	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	T3
369	2030.09.220	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	T3
370	2030.09.221	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	T3
371	2030.09.221	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	T3
372	2030.09.221	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	T3
373	2030.09.226	Hồi sức phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	T3
374	2030.09.226	Hồi sức phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	T3
375	2030.09.229	Hồi sức phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	T3
376	2030.09.231	Hồi sức phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	T3
377	2030.09.231	Hồi sức phẫu thuật hội chứng volkmann cơ cơ gấp không kết hợp xương	T3
378	2030.09.231	Hồi sức phẫu thuật khâu da thi II	T3
379	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy 2 xương cẳng tay	T3
380	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	T3
381	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	T3
382	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	T3
383	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	T3
384	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	T3
385	2030.09.234	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	T3
386	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	T3
387	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	T3
388	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	T3
389	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đài quay	T3
390	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	T3
391	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	T3
392	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hõ độ II thân xương cánh tay	T3
393	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hõ độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	T3
394	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hõ độ III hai xương cẳng chân	T3
395	2030.09.235	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy hõ độ III thân xương cánh tay	T3

396	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	T3
397	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây hở I thân hai xương cẳng tay	T3
398	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây hở II thân hai xương cẳng tay	T3
399	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây hở III thân hai xương cẳng tay	T3
400	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây hở liên lồi cầu xương cánh tay	T3
401	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây Hoffa đầu dưới xương đùi	T3
402	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây liên lồi cầu xương cánh tay	T3
403	2030.09.236	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương cánh tay	T3
404	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu ngoài xương đùi	T3
405	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu trong xương đùi	T3
406	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương bàn và ngón tay	T3
407	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây lồi cầu xương khớp ngón tay	T3
408	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày + thân xương chày	T3
409	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày ngoài	T3
410	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mâm chày trong	T3
411	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá kèm trật khớp cổ chân	T3
412	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá ngoài	T3
413	2030.09.237	Hội sức phẫu thuật KHX gây mất cá trong	T3
414	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây móm khuỷu phức tạp	T3
415	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây móm khuỷu	T3
416	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây Monteggia	T3
417	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	T3
418	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây nội khớp đầu dưới xương quay	T3
419	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây nội khớp xương khớp ngón tay	T3
420	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây ổ cối đơn thuần	T3
421	2030.09.238	Hội sức phẫu thuật KHX gây phức tạp vùng khuỷu	T3
422	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây Pilon	T3
423	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây rỗng rọc xương cánh tay	T3
424	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây sụn tăng trưởng ở đầu xương	T3
425	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng chân	T3
426	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân 2 xương cẳng tay	T3
427	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân đốt bàn và ngón tay	T3
428	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cẳng chân	T3
429	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay	T3
430	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	T3
431	2030.09.239	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương cánh tay phức tạp	T3
432	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương chày	T3
433	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây thân xương đùi	T3
434	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật cổ xương cánh tay	T3
435	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật cổ xương đùi	T3
436	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật đốt bàn ngón chân	T3
437	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ chân ở trẻ em	T3
438	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật khớp cổ tay	T3
439	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật xương gót	T3
440	2030.09.240	Hội sức phẫu thuật KHX gây trật xương sên	T3
441	2030.09.241	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	T3
442	2030.09.241	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương cánh tay	T3
443	2030.09.241	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên lồi cầu xương đùi	T3
444	2030.09.241	Hội sức phẫu thuật KHX gây trên và liên lồi cầu xương đùi	T3

445	2030.09.241	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	T3
446	2030.09.241	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương bệnh lý	T3
447	2030.09.241	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đòn	T3
448	2030.09.241	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	T3
449	2030.09.241	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	T3
450	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương gót	T3
451	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	T3
452	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	T3
453	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy xương sên và trật khớp	T3
454	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	T3
455	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	T3
456	2030.09.242	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cổ chân	T3
457	2030.09.243	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	T3
458	2030.09.243	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	T3
459	2030.09.243	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp dưới sên	T3
460	2030.09.243	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	T3
461	2030.09.243	Hồi sức phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	T3
462	2030.09.249	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	T3
463	2030.09.249	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	T3
464	2030.09.250	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	T3
465	2030.09.250	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	T3
466	2030.09.250	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	T3
467	2030.09.250	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	T3
468	2030.09.252	Hồi sức phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	T3
469	2030.09.252	Hồi sức phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	T3
470	2030.09.254	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	T3
471	2030.09.254	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	T3
472	2030.09.255	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	T3
473	2030.09.255	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	T3
474	2030.09.255	Hồi sức phẫu thuật mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	T3
475	2030.09.255	Hồi sức phẫu thuật mở hồng tràng ra da nuôi ăn / mổ nội soi mở bụng thăm sát chẩn đoán	T3
476	2030.09.256	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	T3
477	2030.09.257	Hồi sức phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	T3
478	2030.09.257	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày	T3
479	2030.09.257	Hồi sức phẫu thuật mở thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	T3
480	2030.09.257	Hồi sức phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Hồi sức phẫu thuật mở thông hồi tràng	T3
481	2030.09.257	Hồi sức phẫu thuật mở thông túi mật	T3
482	2030.09.304	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	T3
483	2030.09.308	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chữa ngoài dạ con vỡ	T3
484	2030.09.309	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	T3
485	2030.09.310	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
486	2030.09.310	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	T3
487	2030.09.310	Gây tê phẫu thuật bướu cổ	T3
488	2030.09.311	Gây tê phẫu thuật bướu tinh hoàn	T3
489	2030.09.313	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	T3

490	2030.09.313	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	T3
491	2030.09.314	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	T3
492	2030.09.315	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	T3
493	2030.09.315	Gây tê phẫu thuật cắt chấp có bọc	T3
494	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
495	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% 10% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
496	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
497	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
498	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
499	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
500	2030.09.318	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	T3
501	2030.09.319	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	T3
502	2030.09.319	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	T3
503	2030.09.319	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	T3
504	2030.09.319	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	T3
505	2030.09.320	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	T3
506	2030.09.320	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	T3
507	2030.09.320	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nằm chỉnh và cố định tạm thời	T3
508	2030.09.325	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	T3
509	2030.09.328	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	T3
510	2030.09.328	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	T3
511	2030.09.328	Gây tê phẫu thuật cắt tinh mạc	T2
512	2030.09.334	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	T3
513	2030.09.334	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	T3
514	2030.09.336	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	T3
515	2030.09.337	Gây tê phẫu thuật cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	T2
516	2030.09.338	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	T3
517	2030.09.338	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	T3
518	2030.09.338	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	T3
519	2030.09.338	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	T3
520	2030.09.338	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	T3
521	2030.09.339	Gây tê phẫu thuật cắt u sùi đầu miệng sáo	T3
522	2030.09.343	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	T3
523	2030.09.345	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	T3
524	2030.09.346	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình cong dương vật	T3
525	2030.09.346	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùi dương vật	T3
526	2030.09.347	Gây tê phẫu thuật chữa ngoài da con vớ	T3
527	2030.09.348	Gây tê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	T3
528	2030.09.349	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	T3
529	2030.09.349	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu viêm mô khớp, không sai khớp	T3

530	2030.09.354	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	T3
531	2030.09.354	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	T3
532	2030.09.354	Gây tê phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	T3
533	2030.09.357	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	T3
534	2030.09.357	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	T3
535	2030.09.357	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	T3
536	2030.09.358	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	T3
537	2030.09.358	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	T3
538	2030.09.358	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	T3
539	2030.09.358	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	T3
540	2030.09.358	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	T3
541	2030.09.367	Gây tê phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	T3
542	2030.09.368	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	T3
543	2030.09.370	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	T3
544	2030.09.371	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	T3
545	2030.09.371	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	T3
546	2030.09.371	Gây tê phẫu thuật hạch ngoại biên	T3
547	2030.09.371	Gây tê phẫu thuật hội chứng ống cổ tay	T3
548	2030.09.371	Gây tê phẫu thuật khâu da thi II	T3
549	2030.09.381	Gây tê phẫu thuật KHX gây xương bánh chè phức tạp	T3
550	2030.09.389	Gây tê phẫu thuật lấy giun, dị vật ở ruột non	T3
551	2030.09.391	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	T3
552	2030.09.391	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	T3
553	2030.09.391	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	T3
554	2030.09.392	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	T3
555	2030.09.395	Gây tê phẫu thuật loại 3	T3
556	2030.09.396	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò	T3
557	2030.09.396	Gây tê phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	T3
558	2030.09.398	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	T3
559	2030.09.398	Gây tê phẫu thuật mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại...)	T3
560	2030.09.398	Gây tê phẫu thuật mở thông dạ dày	T3
561	2030.09.399	Gây tê phẫu thuật mở thông hồng tràng hoặc Gây tê phẫu thuật mở thông hồi tràng	T3
562	2030.09.399	Gây tê phẫu thuật mở thông túi mật	T3
563	2030.09.446	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	T3
564	2030.09.446	An thần bệnh nhân nhổ răng	T2
565	2030.09.446	An thần bệnh nhân nội soi đường mật	T2
566	2030.09.446	An thần bệnh nhân nội soi đường tiêu hóa	T2
567	2030.09.446	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	T3
568	2030.09.446	An thần bệnh nhân phải nắn xương	T3
569	2030.09.446	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	T3
570	2030.09.446	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	T3
571	2030.09.446	An thần nội khí quản phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân giảm tiểu cầu	T2

572	2030.09.477	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	T3
-----	-------------	---	----